| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 6 - VĨNH LONG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **116**/2026/DS-ST
Ngày: 10 - 7 -2026
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
### TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 -VĨNH LONG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Đào Chí Cường.

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Huỳnh Hiếu Trung.

2. Ông Đường Thanh Chánh.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long.

Ngày 10 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 88/2026/TLST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2026 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 253/2026/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2026 giữa:

*-Nguyên đơn:*

Bà Trần Thị Thúy D, sinh năm 1984.

Địa chỉ: 9/3, ấp Q, xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre (Nay là 9/3, ấp Q, xã Q, tỉnh Vĩnh Long)

Người đại diện theo ủy quyền của bà D:

Bà Huỳnh Thảo N, sinh năm 1994.

Địa chỉ: E, Quốc lộ F, khu phố A, phường P, tỉnh Vĩnh Long.

Theo Văn bản ủy quyền ngày 22/01/2026.

*-Bị đơn:*

Ông Phạm Minh T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

*Tại phiên tòa dân sự sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến và tại phiên tòa phía nguyên đơn có lời trình bày:*

Ngày 31/8/2025, bà Trần Thị Thúy D có cho ông Phạm Minh T vay số tiền 140.000.000đồng, mục đích cho vay để giải quyết công việc gia đình, hai bên thỏa thuận sau 60 ngày ông T sẽ trả nợ gốc tương ứng với thời gian trả  vào ngày 31/10/2025. Khi vay tiền ông T có tự tay viết giấy nợ có tiêu đề "GIẤY MƯỢN TIỀN'' đề ngày 31/8/2025 có chữ ký và ghi tên Phạm Minh T bằng giấy tập học sinh tuy nhiên nay đã quá hạn mà ông T không có thiện chí trả tiền cho bà D.

Ông Phạm Minh T trước đây có chuyển cho bà D số tiền 12.600.000đồng nhưng bà D không nhớ thời gian cụ thể, số tiền này là tiền lãi quá hạn cho các tháng ông T chưa trả nợ. Hai bên không thỏa thuận mức lãi suất cụ thể mà chỉ thỏa thuận tổng số tiền trả lãi đến thời điểm chuyển khoản.

Do ông T đã trả một phần lãi quá hạn từ ngày 01/11/2025 đến thời điểm trả lãi với số tiền 12.600.000đồng là đã thanh toán lãi quá hạn, còn từ lúc chuyển khoản đến nay là chưa trả thêm lãi quá hạn. Do thấy hoàn cảnh của ông T nên tại thời điểm nộp đơn khởi kiện bà D mới không yêu cầu tiếp tục tính lãi chứ không phải là không tính lãi kể từ thời điểm bắt đầu nợ quá hạn đến nay vì vậy bà D không đồng ý khấu trừ tiền lãi vào tiền gốc vì bản chất hai loại tiền này là khác nhau.

Nay bà D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Minh T phải có nghĩa vụ trả số nợ gốc 140.000.000đồng và không yêu cầu tính lãi.

*Tại bản tự khai ngày 10/4/2026 gửi cho Tòa án bị đơn ông Phạm Minh T có lời trình bày.*

Ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thúy D (ghi nhận sự tự nguyện không tính lãi của bà D) tuy nhiên vào ngày 05/12/2025, ông T có chuyển trả lãi tháng 12 với số tiền 12.600.000đồng, ông sẽ cung cấp chứng cứ chứng minh số lãi đã trả. Như vậy số tiền ông phải trả cho bà D là 127.400.000đồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

***Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:***

[1].Về hình thức:

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có ủy quyền hợp lệ bằng văn bản cho người khác tham gia tố tụng vì vậy Hội đồng xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2].Về nội dung:

Theo nguyên đơn trình bày, ngày 31/8/2025, bà Trần Thị Thúy D có cho ông Phạm Minh T vay số tiền 140.000.000đồng, mục đích cho vay để giải quyết công việc gia đình, hai bên thỏa thuận sau 60 ngày ông T sẽ trả nợ gốc tương ứng với thời gian trả là vào ngày 31/10/2025. Khi vay tiền ông T có tự tay viết giấy nợ có tiêu đề "GIẤY MƯỢN TIỀN'' đề ngày 31/8/2025 có chữ ký và ghi tên Phạm Minh T bằng giấy tập học sinh tuy nhiên nay đã quá hạn mà ông T không có thiện chí trả tiền cho bà D. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T có trả được 12.600.000đồng là tiền lãi do hai bên thỏa thuận kể từ thời điểm nợ quá hạn 01/11/2025.

Phía ông Phạm Minh T đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thúy D tuy nhiên ông T cho rằng vào ngày 05/12/2025, ông T có chuyển trả lãi tháng 12 với số tiền 12.600.000đồng như vậy số tiền ông phải trả cho bà D chỉ còn 127.400.000đồng.

*Do các bên không thống nhất về quyền và nghĩa vụ đối với việc thực hiện hợp đồng vày tài sản vì vậy phát sinh tranh chấp.*

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà D là giấy nợ có tiêu đề "GIẤY MƯỢN TIỀN" đề ngày 31/8/2025 có chữ ký và ghi tên Phạm Minh T bằng giấy tập học sinh. Tờ "GIẤY MƯỢN TIỀN'' có nội dung *….Hôm nay ngày 31/8/2025 tôi có mượn của Trần Thị Thúy D, SN 1984, CCCD 083184012974 số tiền 140.000.000đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng)*…… .Quá trình giải quyết vụ án ngày 10/4/2026, bị đơn ông Phạm Minh T có viết bản tự khai do ông ký tên gửi cho Tòa án, tại nội dung bản tự khai bị đơn T thừa nhận có vay bà D 140.000.000đồng đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 và tính đến nay khoản vay đã quá hạn trả nợ nhưng bị đơn chưa trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện.

Nhận thấy hai bên có xác lập hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, bị đơn không trả nợ cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 vì vậy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ 140.000.000đồng là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông T cho rằng có chuyển trả lãi tháng 12 với số tiền 12.600.000đồng như vậy số tiền ông phải trả cho bà D sau khi khấu trừ vào tiền gốc chỉ còn 127.400.000đồng tuy nhiên phía bà D không đồng ý. Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng ông T không đến tham gia tố tụng, trình bày ý kiến cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh ông có thỏa thuận với bà D về việc khấu trừ số tiền 12.600.000đồng vào tiền gốc vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với việc tính lãi do bên vay không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền gốc nên phải trả lãi trên số tiền gốc chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tuy nhiên nguyên đơn không yêu cầu tính lãi là do tự nguyện được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3].Về án phí:

Ông T phải có nghĩa vụ trả số nợ gốc 140.000.000đồng vì vậy phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 140.000.000đồng x 5% = 7.000.000đồng.

Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

***Vì các lẽ trên,***

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39 và 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T1 Diễm đối với bị đơn ông Phạm Minh T về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Buộc ông Phạm Minh T phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị T1 Diễm số tiền 140.000.000đồng.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

2.Về án phí:

Buôc ông Phạm Minh T phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 7.000.000đồng.

Trả lại cho bà Trần Thị T1 Diễm số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.350.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003826 ngày 05 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6 và 7 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận***:
- Phòng GĐ, KT, TT và THA TAND tỉnh Vĩnh long
- VKSND khu vực 6 - vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 6 - vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Chí Cường**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Chí Cường**